

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/02/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng*”

Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu

2. Ông Phạm Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào— Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hằng- Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2020/TLST –DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

* *Bị đơn:* Bà Lại Thị Kh, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày như sau:

Vào ngày 19/3/2018 bà Nguyễn Thị M có cho bà Lại Thị Kh vay số tiền 15.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền do bà Kh viết, bà Kh ký tên vào người vay. Trong giấy vay tiền có hẹn thời gian trả nợ là 01 năm, lãi suất là 2,5%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà Kh đã không trả tiền cho bà M, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà Kh trả tiền nhưng bà Kh vẫn không trả.

Nay bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lại Thị Kh có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng và lãi suất với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi suất từ ngày 18/3/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.590.000 đồng. Tại phiên tòa bà M yêu cầu tính lãi suất 0.66%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng tiền mà bà Kh đã trả cho bà tiền lãi tại ngân hàng chính sách trước đó.

2. Bị đơn bà Lại Thị Kh trình bày như sau:

Vào ngày 19/3/2018 bà Kh có viết giấy vay tiền với bà Nguyễn Thị M số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), trong giấy vay có thể hiện thời gian trả nợ là 01 năm với mức lãi suất 0,25%/tháng tương đương với 37.500 đồng/ tháng, thời hạn vay là 01 năm. Nhưng mục đích bà Kh vay tiền của bà M là để cho bà Đoàn Thị MT vay, vì số tiền trên là tiền bà M lấy từ tiền quỹ của Hội phụ nữ xã PN, và việc bà ký giấy vay tiền trên là để thực hiện việc nhân đạo của Hội giúp đỡ cho hoàn cảnh khó khăn là cho hội viên khó vay tiền nên bà đã cho bà Đoàn Thị MT vay lại số tiền này nên bà yêu cầu thanh tra lại số tiền này, sau khi thanh tra xong có kết luận bà mới đồng ý trả vì hiện giờ bà khó khăn không có khả năng trả số tiền này. Về số tiền lãi suất bà không đồng ý với yêu cầu của bà M, bà Kh chỉ đồng ý trả với mức lãi suất 0,25%/tháng theo thỏa thuận trong giấy vay tiền tính đến ngày khởi kiện, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Kh xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa hôm nay:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 15.000.000 đồng, về lãi suất do các bên tranh chấp về lãi suất nên đề nghị áp dụng khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự để xác định lãi suất, vì vậy mức lãi suất mà bà M yêu cầu là 0.66%/tháng là phù hợp với quy định trên nên cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Xét thấy, đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị M thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Lại Thị Kh, trú tại thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về số tiền nợ gốc:

Bà M yêu cầu bà Lại Thị Kh trả số tiền vay gốc 15.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 19/3/2018, thời hạn trả vào ngày 19/3/2019. Nhưng đến thời hạn trả nợ mà Kh không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà Kh phải trả số tiền vay 15.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Kh cũng thừa nhận có vay của bà M số tiền 15.000.000 đồng, nhưng số tiền này bà Kh cho bà Đoàn Thị MT vay lại theo tình thân tương thân tương ái của hội phụ nữ. Bà Kh yêu cầu thanh tra lại số tiền này vì số tiền này theo bà là quỹ đen mà bà M sử dụng quỹ của hội phụ nữ xã chứ không phải tiền của bà M. Bà không đồng ý trả số tiền gốc trên cho bà M khi chưa thanh tra và do hoàn cảnh hiện nay bà khó khăn nên không có khả năng trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc bà Lại Thị Kh có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, bởi vì: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 19/3/2018 thì xác định bà Lại Thị Kh có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm. Tại phiên tòa bà Kh thừa nhận số tiền trên bà có vay của bà M, nhận tiền trực tiếp từ bà M, giấy vay tiền cũng do chính bà viết có thể hiện số tiền vay, có thể hiện thời gian trả nợ. Do bà Kh vi phạm thời hạn trả nợ nên yêu cầu của bà M được chấp nhận.

Còn đối với yêu cầu của bà Kh là không có căn cứ, không có thiện chí trong việc trả nợ nên không được chấp nhận.

* Về số tiền lãi suất: Bà M yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 0,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 19/3/2018 cho đến ngày xét xử. Bà Kh không đồng ý với mức lãi suất bà M yêu cầu mà chỉ đồng ý với mức lãi suất 0,25%/tháng tương đương với 37.500 đồng/ tháng.

Do bà Kh và bà M có tranh chấp về lãi suất, trong giấy vay không thể hiện rõ lãi suất được xác định là bao nhiêu nên căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự để xác định lãi theo quy định là phù hợp. Bà M yêu cầu bà Kh trả số tiền lãi suất theo mức lãi suất 0,66%/tháng không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là phù hợp. Tại phiên tòa bà M đồng ý khấu trừ số tiền lãi 1.000.000 đồng mà bà Kh đã trả cho bà M trước đó. Xét thấy, mức lãi

suất mà bà M yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Số tiền lãi suất là: 15.000.000đ x 0,66%/tháng x 34 tháng 16 ngày bằng 3.418.800 đồng, trừ đi số tiền mà bà Kh đã trả trước đó còn 2.418.800 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lại Thị Kh phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M

Buộc bà Lại Thị Kh phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) và lãi suất là 2.418.800đ (*Hai triệu bốn trăm mười tám nghìn tám trăm đồng*)

Tổng số tiền bà Kh phải trả cho bà M là 17.418.800 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm mười tám nghìn tám trăm đồng*)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lại Thị Kh phải nộp 870.000đ (*Tám trăm bảy mươi nghìn đồng*); Trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 584.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00 19424 ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TUYẾT